

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 15/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2022

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn GiAg A

Cùng cư trú tại: Số nhà 23, LK6A, Làng V, phường M, quận H, TP. H

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức B và bà Lê Thị H

Cùng cư trú tại: Số nhà 136, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn H

Trú tại: Số 1, ngõ 42, phố Trần C phường C, quận B, thành phố H. (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 16/6/2022)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Huyện C, tỉnh H.

Địa chỉ: Số 322, khu 2, Thị trấn C, huyện C, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Đức B và bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn GiAg A số tiền **400.000.000đ** (Bốn trăm triệu) là tiền bán cam quả năm 2017.

2.2. Ông Nguyễn Đức B và bà Lê Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn GiAg A số tiền nợ chót đến ngày 31/10/2023 là **1.279.167.518đ** (Một tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười tám đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: **894.300.000đ** (Tám trăm chín mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng)

- Tiền lãi tính từ ngày 04/12/2019 đến ngày 31/10/2023 là **384.867.518đ** (ba trăm tám mươi tư triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm mười tám đồng)

“Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn GiAg A có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành xong các khoản tiền ở trên, hàng tháng ông Nguyễn Đức B và bà Lê Thị H phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời giA chậm thi hành án theo quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Công nhận ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn GiAg A được quyền sử dụng thửa đất và các tài sản trên đất gồm Nhà: Gạch bi, mái tôn, kích thước 5,5m x 3,2m; Bán mái: 1,6m x 4m; mái tôn, xây dựng năm 2016; Bể nước 1: 2,5m x 2,5m x 2m. Bể nước 2: 1,4m x 1m. Cây: 01 cây nhãn, tán khoảng 4m², cao 3m, không có quả. 01 cây nhãn cạnh ao, tán khoảng 3m², cao 2m, đAg có quả; Cây cam: 288 cây, trong đó lòng vàng 150 cây, cam cAh 133 cây trên diện tích diện tích 7553,8m², tại thửa đất số 256 tờ bản đồ số 23, vị trí thửa đất thuộc xóm N, xã Thu Phong, huyện C, tỉnh Hòa Bình, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00129 do UBND huyện C cấp ngày 12/5/2015 mAg tên bà Lê Thị H.

Vị trí đất cụ thể giao cho ông T, bà H có số đo như sau: Phía Bắc: Giáp đường đất; Phía Nam: Giáp hộ ông Bùi Văn GiAg và 6 thửa lúa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 548510; 03 thửa lúa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 522010; 05 thửa lúa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 548509; Phía Đông: Giáp thửa số đất số 257 tờ bản đồ số 23, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00127; Phía Tây: Giáp căn cứ hậu cần.

2.4. Ông Nguyễn Đức B, bà Lê Thị H và ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn GiAg A có trách nhiệm liên hệ với cơ quA quản lý đất đai có thẩm quyền (Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C) để thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất diện tích 7553,8 m², tại thửa đất số 256 tờ bản đồ số 23 cho ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn GiAg A

2.5. Trường hợp đương sự không tự nguyện thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo thỏa thuận nêu trên, đề nghị cơ quA có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mAg tên bà Lê Thị H để cấp cho ông T, bà A theo số đo và diện tích đã thỏa thuận.

2.5. Ông Nguyễn Đức B và bà Lê Thị H có trách nhiệm trả số tiền còn nợ tại Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C theo các Hợp đồng tín dụng đã ký và được thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05040918/HĐTC ngày 05/4/2018. Sau khi tất toán các khoản nợ trên ông Nguyễn Đức B và bà Lê Thị H được quyền sử dụng các thửa đất sau:

- Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 23, diện tích 9531,6m² tại xóm N, xã Thu

Phong, huyện C, tỉnh Hòa Bình, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00127 do UBND huyện C cấp ngày 12/5/2015. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị H.

- Thừa đất số CH 00141 do UBND huyện C, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 06/7/2015, địa chỉ xóm Bưng 4, xã Thu Phong, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị H.

- Thừa đất số CH 000142 do UBND huyện C, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 06/7/2015, địa chỉ xóm Bưng 4, xã Thu Phong, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị H.

- Thừa số CH 000143 do UBND huyện C, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 06/7/2015, địa chỉ xóm Bưng 4, xã Thu Phong, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị H.

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Đức B và bà Lê Thị H phải liên đới chịu **15.669.000đ** (mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn GiAg A phải liên đới chịu **15.669.000đ** (mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001737 ngày 14/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn GiAg A **53.981.000đ** (Năm mươi ba triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số 0001737 ngày 14/6/2022.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án. M

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

-